

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *20* /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Xử lý một số trường hợp khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự chuyển mục đích sử dụng đất giữa các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp khi chuyển mục đích không phải xin phép theo Khoản 2 Điều 36 Luật đất đai 2003, đến ngày thu hồi đất vẫn sử dụng ổn định cho mục đích nông nghiệp đã chuyển mục đích thì tính bồi thường như sau:

a) Thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận đã chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 thì tính bồi thường theo loại đất nông nghiệp sau khi chuyển mục đích sử dụng.

b) Thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, khi chuyển mục đích sử dụng đất mà chưa đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, hoặc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thì bồi thường theo loại đất nông nghiệp ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất.

2. Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần đất nông nghiệp của người sử dụng đất mà phần diện tích còn lại quá nhỏ, hoặc canh tác khó khăn thì thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo điều kiện cho hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân có thửa đất liền kề để hợp thửa.

b) Trường hợp chủ sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi hết phần diện tích đất còn lại, phần diện tích đất này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận khó khăn trong sản xuất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ra quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Sau khi giải phóng mặt bằng xong giao Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý chặt chẽ để sử dụng đất theo quy định. Kinh phí bồi thường do chủ đầu tư dự án chi trả và được tính vào tổng mức đầu tư của dự án”.

2. Sửa đổi Khoản 4 Điều 9 như sau:

“ 4. Nhà tạm, công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp, kể cả trên đất nông nghiệp tạm giao, cho thuê, đấu thầu được cấp có thẩm quyền cho phép bằng văn bản thì được bồi thường theo quy định.

Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng các công trình để phục vụ mục đích sản xuất trên đất nông nghiệp trước ngày công bố thực hiện dự án, khi xây dựng không có văn bản xử lý vi phạm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận công trình xây dựng với mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp thì thực hiện hỗ trợ đối với tài sản xây dựng trên, mức hỗ trợ bằng mức bồi thường”.

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

“a) Trường hợp thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng đồng thời diện tích thu hồi từ 50m² trở lên thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 12 tháng”.

4. Điều chỉnh thứ tự Điểm d thành Điểm đ, sửa đổi và bổ sung Điểm c, d Khoản 2 của Điều 22 như sau:

“c) Đối với tài sản là nhà, công trình khác xây dựng trên đất trái với mục đích sử dụng từ 01/7/2004 đến trước 1/7/2014:

- Tại thời điểm xây dựng chưa có hành lang bảo vệ công trình, chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thông báo thực hiện dự án của cấp có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận thì hỗ trợ như sau:

+ Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường.

+ Nhà xây mái bằng và các công trình khác hỗ trợ bằng 60% mức bồi thường.

- Tại thời điểm xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, hộ gia đình có nhu cầu sử dụng thực sự thì hỗ trợ như sau:

+ Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.

+ Nhà xây mái bằng và các công trình khác hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường.

d) Hỗ trợ bằng 25% mức bồi thường theo quy định đối với nhà, công trình xây dựng trước ngày 01/7/2014 và không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này;

đ) Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp được xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ”.

5. Sửa đổi điểm c và bổ sung điểm d vào Khoản 2 Điều 23 như sau:

“c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở, thuộc diện tái định cư mà diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn diện tích một ô đất ở theo quy hoạch tại nơi tái định cư thì được bố trí một (01) ô đất quy hoạch, hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng đất như sau:

- Trường hợp diện tích ô đất tái định cư được giao nhỏ hơn hoặc bằng tổng diện tích đất ở bị thu hồi và diện tích suất tái định cư tối thiểu tại nơi tái định cư thì nộp tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư do Ủy ban nhân tỉnh quy định.

- Trường hợp diện tích ô đất tái định cư được giao lớn hơn tổng diện tích đất ở bị thu hồi và diện tích suất tái định cư tối thiểu tại nơi tái định cư thì phần diện tích đất ở tại ô đất tái định cư được giao bằng tổng diện tích đất ở bị thu hồi và diện tích suất tái định cư tối thiểu được nộp tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư, phần diện tích đất tái định cư được giao còn lại phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất được tính trên cơ sở chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các điều kiện thực tế đối với từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể.

d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư mà diện tích đất ở tái định cư được giao lớn hơn diện tích đất ở được bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 5 Quyết định này, thì phần diện tích đất ở vượt mức đất ở tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất được tính trên cơ sở chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các điều kiện thực tế đối với từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài Nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TH*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chính phủ;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
 - Tổng cục Quản lý đất đai;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu VT, KTN_{huy}đại, KTTH_{tỉnh}.
- (huyđ/SoTNMT/QDQP01/T7/68b)

Đoàn Văn Tuấn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Tuấn